

Số: 103 /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 12 năm 2017



KẾ HOẠCH

Thực hiện "Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Quyết định số 708/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030";

Căn cứ Công văn số 2999/LĐTBOXH-BTXH ngày 19/7/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc triển khai thực hiện "Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030";

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện "Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về an sinh xã hội (ASXH), ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào giải quyết chính sách ASXH đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030" (sau đây gọi tắt là Đề án) trên địa bàn tỉnh như sau:

Phần thứ nhất

KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG VỀ CSDL ASXH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. TÌNH HÌNH ĐỐI TƯỢNG ASXH VÀ DỰ BÁO ĐẾN NĂM 2020

1. Tình hình đối tượng ASXH

1.1. Đối tượng cần trợ giúp xã hội

Theo số liệu thống kê, đến tháng 8/2017 đối tượng đang hưởng trợ giúp xã hội hằng tháng trên địa bàn tỉnh có 22.274 người, chiếm khoảng 2,8% dân số toàn tỉnh. Trong đó: có 173 trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng; 58 trẻ em bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo và người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo không còn khả năng lao động; 1.745 người đơn thân nghèo đang nuôi con nhỏ; 9.574 người cao tuổi; 8.815 người khuyết tật, 1.909 gia đình, cá nhân chăm sóc người cao tuổi, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, người khuyết tật đặc biệt nặng.

Ngoài ra còn có trên 63.000 người cao tuổi (hưởng trợ cấp khác, hoặc chưa đến tuổi hưởng trợ cấp), trên 4.000 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trên 1.100 người

nghiện ma túy, khoảng 1.600 người nhiễm HIV; trên 13.000 hộ cần trợ giúp đột xuất, hỗ trợ lương thực hằng năm. Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh duy trì nuôi dưỡng, chăm sóc trên 40 đối tượng bảo trợ xã hội (*chủ yếu là người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa và trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi*).

1.2. Đối tượng là hộ nghèo, cận nghèo

Theo kết quả rà soát cuối năm 2016 trên địa bàn tỉnh có 47.377 hộ nghèo, với trên 190.000 nhân khẩu và 22.549 hộ cận nghèo, với trên 94.000 khẩu.

1.3. Đối tượng hưởng chính sách người có công

Đến nay toàn tỉnh có trên 10.000 người có công, trong đó có trên 7.600 người hưởng trợ cấp hàng tháng.

1.4. Đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp

- *Bảo hiểm xã hội (BHXH)*: Theo số liệu thống kê đến cuối năm 2016, số người tham gia gần 59.867 người. Ước đến 31/12/2017, số người tham gia khoảng trên 61.000 người (*trong đó lao động tại tỉnh trên 51.000 người; lao động tại các tỉnh, thành phố gần 10.000 người*) chiếm 14,62% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động làm việc trong các ngành kinh tế.

- *Bảo hiểm y tế (BHYT)*: Số người tham gia khoảng 742.000 người, chiếm 95,9% tỷ lệ dân số, trong đó Nhà nước hỗ trợ mua trên 530.000 người, chiếm 72% số người tham gia.

- *Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)*: Số người tham gia trên 50.398 (*trong đó lao động tại tỉnh 40.788 người; lao động tại các tỉnh, thành phố 9.610 người*) chiếm 12,02% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động làm việc trong các ngành kinh tế.

2. Dự báo đối tượng đến năm 2020

Dự báo đến năm 2020, Chính phủ sẽ tiếp tục mở rộng đối tượng được hưởng trợ giúp xã hội, cũng như kinh tế - xã hội của tỉnh dự báo sẽ có bước phát triển khá, nhận thức về ASXH của người dân sẽ được nâng cao, do đó đối tượng được trợ giúp xã hội, đối tượng tham gia BHYT, BHXH, BHTN sẽ tăng lên, ngược lại đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng hưởng chính sách người có công sẽ có xu hướng giảm; người nghiện ma túy, người bị nhiễm HIV cơ bản giữ nguyên, cụ thể:

2.1. Đối tượng cần trợ giúp xã hội

Dự báo có khoảng 30.000 người được hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên (trong đó chủ yếu là người cao tuổi và người khuyết tật). Hằng năm có khoảng 10.000 hộ cần trợ giúp đột xuất và hỗ trợ lương thực dịp Tết Nguyên đán và thời kỳ giáp hạt. Ngoài ra dự báo có khoảng trên 3.000 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trên 1.000 người nghiện ma túy và khoảng 1.500 người bị nhiễm HIV.

2.2. Hộ nghèo cận nghèo

Toàn tỉnh có khoảng 60.000 hộ, chiếm khoảng 28% tổng số hộ toàn tỉnh (*trường hợp áp dụng chuẩn nghèo mới cao hơn chuẩn hiện nay*).

2.3. Đối tượng hưởng chính sách người có công

Dự báo đến năm 2020 còn khoảng 8.000 người, trong đó khoảng 6.000 người hưởng trợ cấp.

2.4. Đối tượng tham gia BHXH, BHTN

Dự báo có khoảng 204.600 người tham gia BHXH bắt buộc chiếm 50% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động làm việc trong các ngành kinh tế; số người tham gia BHTN: 146.000 người chiếm 35% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động làm việc trong các ngành kinh tế.

2.5. Đối tượng tham gia BHYT

Dự báo có khoảng 790.000 người tham gia BHYT, chiếm 100% tỷ lệ dân số, trong đó Nhà nước hỗ trợ mua cho trên 550.000 người, chiếm 70% số người tham gia.

II. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ XÂY DỰNG CSDL VỀ ASXH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Công tác chỉ đạo, triển khai

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, trong thời gian qua Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách trợ giúp xã hội; điều tra, rà soát, thống kê các đối tượng thuộc diện hưởng chính sách trợ giúp xã hội, hộ nghèo, cận nghèo; đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN; điều tra cung, cầu lao động... để xây dựng CSDL về các đối tượng liên quan đến công tác ASXH.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 01/3/2016 về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016 - 2020; hằng năm ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo các cấp, các ngành trong tỉnh đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực công tác, gắn với thực hiện chủ trương Chính phủ điện tử, xây dựng CSDL quản lý chuyên ngành, trong đó có các lĩnh vực liên quan đến ASXH.

2. Hệ thống chỉ tiêu theo dõi, quản lý chính sách ASXH

Thực hiện Luật Thống kê và quy định về hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 16/8/2014 về việc phân công trách nhiệm thu thập, tổng hợp và báo cáo Hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, huyện, xã trên địa bàn tỉnh, trong đó có các chỉ tiêu liên quan đến công tác ASXH như: Các số liệu thống kê về trợ giúp xã hội, người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ nghèo, cận nghèo, hộ thoát nghèo, tái nghèo; số hộ, số nhân khẩu thiếu đói; người nghiện ma túy; người bị nhiễm HIV/AIDS; lao động - việc làm; BHXH, BHYT, BHTN... ngoài ra, thực hiện chế độ báo cáo, thống kê do các bộ ngành Trung ương quy định, hằng năm các Sở, ngành đều thực hiện thống kê, báo cáo theo các hệ thống tiêu chí thống kê, báo cáo của các ngành trong đó có nhiều chỉ tiêu có liên quan đến ASXH.

3. Hệ thống phần mềm quản lý và CSDL thành phần về ASXH

Thực hiện Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý nhà nước, một số sở, ngành đã tổ chức triển khai, bước đầu đã hình thành các hệ thống CSDL chuyên ngành, cụ thể:

3.1. Hệ thống thông tin và CSDL bảo trợ xã hội và giảm nghèo

Được sự hỗ trợ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thông qua Dự án “Tăng cường Hệ thống Trợ giúp Xã hội Việt Nam” hiện nay, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội đang hướng dẫn huyện, thành phố cập nhật toàn bộ dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh vào Hệ thống quản lý thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có đối tượng bảo trợ xã hội. Dự kiến từ năm 2018, hệ thống sẽ được sử dụng thường xuyên.

3.2. Hệ thống thông tin và CSDL người có công

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai phần mềm “Quản lý tài chính trợ cấp ưu đãi người có công” để cập nhật, quản lý thông tin và phục vụ hoạt động chi trả trợ cấp đối với người có công theo 02 cấp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Quản lý hồ sơ đối tượng và danh sách chi trả trợ cấp; quản lý công tác lập dự toán, cấp phát kinh phí và chi trả trợ cấp ưu đãi người có công...

3.3. Hệ thống thông tin quản lý và CSDL lĩnh vực BHXH

BHXH Việt Nam đã thống nhất sử dụng các phần mềm dùng chung trong các đơn vị thuộc hệ thống BHXH, như: Hệ thống quản lý chính sách; hệ thống quản lý thu và sổ, thẻ; hệ thống cấp mã sổ BHXH và quản lý BHYT hộ gia đình; hệ thống tài chính kế toán BHXH; hệ thống tiếp nhận và quản lý hồ sơ; hệ thống quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thông tin giám định BHYT.

3.4. Hệ thống thông tin và CSDL về BHTN

Hiện nay Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai ứng dụng phần mềm quản lý BHTN với tài khoản và mật khẩu được cung cấp cho các đơn vị dịch vụ việc làm, cán bộ làm công tác giải quyết chính sách BHTN có thể làm nhanh, chính xác từ khâu nộp hồ sơ đến khâu ra quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp. Tuy nhiên, phần mềm quản lý BHTN chưa triển khai kết nối với cơ quan BHXH tỉnh để kiểm soát việc thực hiện chính sách BHTN, do đó chưa có sự đồng bộ, thống nhất.

4. Hạ tầng ứng dụng CNTT của tỉnh

Đến nay 100% các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đã có mạng nội bộ (LAN); 100% các máy tính tại các cơ quan, đơn vị được kết nối internet băng thông rộng để khai thác và trao đổi thông tin trên môi trường mạng; tỷ lệ trung bình máy tính/cán bộ, công chức là 1 máy tính/2,5 người.

Đã mở rộng mạng lưới internet đến các xã, phường, thị trấn, cơ sở y tế và các trường học. Mạng truyền số liệu chuyên dùng dùng các cơ quan Đảng và Nhà nước

được đầu tư, hiện nay được sử dụng làm đường truyền kết nối cho Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh. Giữa các cơ quan khối Đảng, đoàn thể và khối cơ quan nhà nước chưa có kết nối liên thông, chỉ trao đổi thông tin qua hệ thống thư điện tử. 100% các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đã xây dựng trang thông tin điện tử, qua đó đã cung cấp văn bản quy phạm pháp luật, chỉ đạo điều hành, đồng thời quảng bá về con người, tiềm năng và các thế mạnh của tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở đã ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành và chuyên môn nghiệp vụ. 100% cán bộ nghiên cứu, tổng hợp, cán bộ nghiệp vụ cấp tỉnh, cấp huyện đã thực hiện trao đổi, tra cứu, khai thác thông tin trên môi trường mạng. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh sử dụng thư điện tử trong công việc đạt trên 73%, cấp huyện đạt trên 40%. Đa số các cơ quan đơn vị đã ứng dụng phần mềm trong xử lý công việc ...Tuy nhiên, các ứng dụng trong quản lý nhà nước vẫn còn thiếu. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh của các cơ quan nhà nước nói riêng và của tỉnh nói chung chưa được đảm bảo, hiệu quả và an toàn.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm. 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo tin học và các ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn. Có 17/34 cơ quan, đơn vị có cán bộ chuyên trách về CNTT với tổng số 35 người.

5. Nguồn nhân lực

Đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác ASXH toàn tỉnh ước tính có khoảng gần 800 người làm việc tại các cơ quan cấp tỉnh (các Sở, ban, ngành) và các địa phương (cấp huyện; cấp xã), các cơ sở bảo trợ xã hội, phục hồi chức năng.

6. Ngân sách dành cho ứng dụng CNTT, CSDL về ASXH

Đến nay, đầu tư ứng dụng CNTT, xây dựng các CSDL thành phần của Hệ thống CSDL về ASXH chủ yếu được đầu tư từ nguồn ngân sách hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương, bằng hình thức trang cấp phần mềm quản lý và hỗ trợ kỹ thuật.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê, báo cáo về ASXH chưa đồng bộ, thống nhất. Cho đến nay chưa có hệ thống chỉ tiêu thống kê và các thông tin đồng bộ, thống nhất về ASXH trên phạm vi toàn quốc, chỉ có các hệ thống chỉ tiêu thống kê trong từng lĩnh vực cụ thể của từng ngành.

2. Công tác thu thập, tổng hợp, báo cáo số liệu ở cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu, dẫn tới tình trạng thu thập, tổng hợp được số liệu chưa chính xác. Các hệ thống phần mềm quản lý và CSDL ASXH chưa đồng bộ, thống nhất. Hệ thống CSDL chuyên ngành được hình thành và phát triển không đồng bộ. Hệ thống thông tin và CSDL hiện có chưa được chuẩn hóa, việc thu thập, cập nhật, quản lý thông tin còn mang tính đơn lẻ (các đơn vị tự xây dựng theo tiêu chí của ngành mình), chưa đầy đủ, kịp thời, độ tin cậy chưa cao, hiệu quả sử dụng thấp.

3. Cán bộ, công chức, viên chức làm công tác ASXH chưa được đào tạo bài bản về CNTT, quản lý, vận hành các hệ thống thông tin và CSDL. Một số cán bộ, công chức cấp xã do tuổi cao nên việc sử dụng máy tính, tiếp cận các phần mềm bị hạn chế.

4. Cơ sở hạ tầng về thông tin của tỉnh còn hạn chế, chưa đảm bảo để triển khai các phần mềm, CSDL dùng chung cho toàn tỉnh.

Phần thứ hai **MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP CỦA KẾ HOẠCH**

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai ứng dụng CNTT vào giải quyết chính sách ASXH cho người dân, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đổi mới về tổ chức và đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực ASXH.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

2.1. Ứng dụng CNTT trong đăng ký, giải quyết chính sách, chi trả cho đối tượng thụ hưởng chính sách ASXH.

2.2. Hoàn thiện cơ sở pháp lý, triển khai cấp số và thẻ ASXH điện tử để tích hợp, giúp người dân thụ hưởng thuận lợi các chính sách trợ giúp xã hội, giảm nghèo, người có công với cách mạng, BHXH, BHYT và BHTN.

2.3. Xây dựng CSDL quốc gia về ASXH gồm thông tin cơ bản về công dân là đối tượng của các chính sách: trợ giúp xã hội, giảm nghèo, người có công với cách mạng, BHXH, BHYT và BHTN.

3. Định hướng đến năm 2030

Mở rộng CSDL quốc gia về ASXH gồm thông tin thêm về các lĩnh vực: Dạy nghề, việc làm, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, người dân tộc thiểu số, bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội và các lĩnh vực khác của ASXH theo quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG

1. Ứng dụng CNTT trong giải quyết chính sách ASXH, quản lý và cập nhật CSDL quốc gia về ASXH trên địa bàn tỉnh

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giải quyết chính sách ASXH, xây dựng CSDL ASXH theo kế hoạch và chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Tập trung vào một số nội dung sau:

1.1. Xây dựng phần mềm ứng dụng CNTT trong giải quyết chính sách ASXH, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội; nghiên cứu, hoàn thiện cơ sở pháp lý cấp số và thẻ ASXH điện tử; ban hành quy chế về cập nhật, quản lý, vận hành và truy cập CSDL về ASXH, bảo đảm kết nối liên thông, tích hợp và chia sẻ dữ liệu với các CSDL của các địa phương và các cơ quan Trung ương.

1.2. Thực hiện việc cập nhật CSDL quốc gia về ASXH vào các hệ thống hiện nay của các Bộ, ngành và của các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện gồm các lĩnh vực sau đây:

- Chính sách giảm nghèo và trợ giúp xã hội

Duy trì cập nhật đối tượng và chính sách liên quan đến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các văn bản pháp luật có liên quan, thường xuyên lên phần mềm Hệ thống thông tin quản lý trợ giúp xã hội (hệ thống MIS POSASoft) của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Nghiên cứu phát triển hệ thống MIS POSASoft trực tuyến đến cấp xã, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ cấp xã thực hiện việc cập nhật và khai thác dữ liệu về hộ nghèo, cận nghèo và hộ có đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội trực tiếp tại cơ sở, qua đó nâng cao chất lượng dữ liệu cập nhật lên hệ thống.

- Chính sách người có công

Duy trì cập nhật các thông tin về đối tượng hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng vào phần mềm quản lý chi trả chính sách người có công của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tiến hành cập nhật các thông tin về hồ sơ người có công, thông tin về nghĩa trang, mộ liệt sỹ vào các phần mềm hệ thống theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Bảo hiểm thất nghiệp

Cập nhật các thông tin về đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Luật Việc làm và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.3. Tích hợp các thông tin sau đây vào CSDL quốc gia về ASXH theo chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ngành:

- Các thông tin định danh công dân theo quy định tại Điều 9 Luật Căn cước công dân và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Các thông tin về đối tượng tham gia BHXH theo quy định tại Luật BHXH và các văn bản pháp hướng dẫn thi hành.

- Các thông tin về đối tượng tham gia BHYT theo quy định tại Luật BHYT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.4. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu, chỉ số đầu vào, đầu ra, bảo đảm các CSDL thành phần cập nhật, quản lý, tích hợp và trao đổi CSDL ASXH.

2. Thực hiện việc cấp số và thẻ ASXH điện tử cho công dân, tích hợp CSDL vào cổng thông tin điện tử ASXH

Nghiên cứu, ứng dụng thẻ ASXH điện tử hoặc phương tiện điện tử khác để tích hợp các loại giấy tờ công dân như sổ hưởng trợ cấp, thẻ BHYT, sổ BHXH, thẻ mã số thuế cá nhân và các giấy tờ khác có liên quan vào thẻ ASXH nhằm giảm giấy tờ công dân trong lĩnh vực trợ giúp xã hội, giảm nghèo, người có công với cách mạng, BHTN, BHXH, BHYT, đồng thời thực hiện kết nối CSDL chuyên ngành với CSDL quốc gia về ASXH theo chỉ đạo, lộ trình của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương.

3. Triển khai xây dựng Cổng thông tin điện tử ASXH

Triển khai xây dựng Cổng thông tin điện tử ASXH của tỉnh để giải quyết các chính sách ASXH cho người dân; cung cấp thông tin về chính sách, đối tượng thụ hưởng chính sách ASXH; tích hợp cung cấp dịch vụ trực tuyến và kết nối hệ thống thông tin thống kê về an sinh xã hội của các bộ, ngành, địa phương.

Nghiên cứu tích hợp Cổng thông tin điện tử ASXH với Cổng thông tin điện tử của tỉnh và cung cấp trên Cổng thông tin tích hợp về ASXH các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 về ASXH, các dịch vụ xã hội cho người dân và doanh nghiệp, tổ chức có nhu cầu.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, ngành và người dân về vai trò, tác dụng của số ASXH, thẻ ASXH điện tử và CSDL quốc gia về ASXH.

2. Thường xuyên rà soát, chỉnh sửa, bổ sung nội dung chỉ đạo, triển khai việc xây dựng CSDL về ASXH, ứng dụng CNTT trong giải quyết chính sách xã hội vào các Chương trình, kế hoạch về CNTT trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tập trung, thống nhất, tránh trùng lặp.

3. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phần mềm ứng dụng, phát triển nhân lực, dịch vụ CNTT gắn với xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh. Nghiên cứu cơ chế, chính sách hợp tác công - tư trong lĩnh vực xây dựng CSDL ASXH; ứng dụng CNTT trong việc giải quyết chính sách ASXH; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường ứng dụng CNTT trong việc giải quyết chi trả chính sách, xây dựng CSDL; lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ công bảo đảm chi trả theo yêu cầu, thực hiện theo cơ chế thu hồi vốn đầu tư thông qua thu phí cung cấp dịch vụ chi trả chính sách; hướng dẫn, hỗ trợ người dân tự đăng ký và nhập liệu các trường thông tin cá nhân vào CSDL quốc gia về ASXH.

4. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng sử dụng, ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức để quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin và CSDL về ASXH phục vụ hiệu quả trong công tác quản lý.

5. Tham khảo, học tập kinh nghiệm ứng dụng CNTT trong giải quyết chính sách ASXH, quản lý và cập nhật CSDL quốc gia về ASXH; cấp số và thẻ ASXH điện tử cho công dân; tích hợp CSDL, xây dựng cổng thông tin điện tử ASXH.

6. Tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện xây dựng CSDL về ASXH tại các cơ quan, đơn vị để khắc phục những khó khăn, hạn chế, vướng mắc làm cơ sở để đưa ra những giải pháp kịp thời, nhằm thực hiện có hiệu quả.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ các nguồn: Vốn doanh nghiệp, chi phí dịch vụ chi trả các chính sách ASXH, nguồn vốn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn huy động, tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ của Đề án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các địa phương lựa chọn đơn vị có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội, các chính sách ASXH để xây dựng CSDL về ASXH và cung cấp dịch vụ chi trả các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

- Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh và sở, ngành liên quan tích hợp các thông tin đối tượng gồm: Thông tin định danh công dân; thông tin đối tượng và chính sách BHXH, thông tin về đối tượng và chính sách BHYT vào CSDL quốc gia về ASXH theo chỉ đạo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến quan điểm chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vai trò, tác dụng của số ASXH, thẻ ASXH điện tử và CSDL về ASXH.

- Phối hợp với các sở, ngành tham mưu xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo kết nối, tích hợp đồng bộ các thông tin toàn hệ thống; đảm bảo quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống trang thiết bị CNTT, CSDL, phần mềm ứng dụng của hệ thống thông tin về ASXH.

- Tham mưu đề xuất các cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp viễn thông, CNTT đầu tư phát triển hệ thống thông tin quản lý CSDL về ASXH.

4. Công an tỉnh, Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành liên quan tích hợp các thông tin đối tượng gồm: Thông tin định danh công dân; thông tin đối tượng và chính sách BHXH, thông tin về đối tượng và chính sách BHYT vào CSDL quốc gia về ASXH theo chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

5. Các Sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

6. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, tổ chức xây dựng kế hoạch và huy động nguồn lực để thực hiện; trước mắt thực hiện việc cập nhật, hoàn thiện CSDL hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên vào hệ thống quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để sử dụng thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh.

Yêu cầu các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện, trong quá trình thực hiện trường hợp có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp) để chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận

- Bộ LĐTBXH;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Các PCT UBND tỉnh;
 - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
 - UBND huyện, thành phố;
 - Công TTĐT tỉnh;
 - Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
 - CV: KGVX, THCB;
 - Lưu: VT, KGVX (Tùng).
- (Báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Anh